

THỰC TRẠNG CÁC YẾU TỐ CHỦ QUAN ẢNH HƯỞNG TỚI HIỆU QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH VÕ – QUYỀN ANH, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO, TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Lý Đức Trường⁽¹⁾; Nguyễn Tiến Sơn⁽²⁾

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: **29/04/2026**

Ngày phản biện: **08/05/2026**

Ngày đăng: **12/06/2026**

Tác giả liên hệ:

Lý Đức Trường

Email: lidechang1976@gmail.com

Tập 3, số 4 (2026), trang 54-59

DOI:

<https://doi.org/10.64024/upes14042>

Bản quyền © 2026. Bài báo này là công bố Truy cập Mở (Open Access) và được phân phối theo các điều khoản của Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Tóm tắt:

Nghiên cứu đánh giá thực trạng các yếu tố chủ quan ảnh hưởng tới hiệu quả nghiên cứu khoa học của sinh viên chuyên ngành Võ – Quyền Anh, ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh thông qua sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực TDTT. Kết quả xác định được 05 nhóm yếu tố chủ quan với 22 tiêu chí gồm: động cơ và thái độ nghiên cứu; kiến thức và kỹ năng nghiên cứu; năng lực tư duy sáng tạo và phản biện; kỹ năng quản lý thời gian; năng lực giao tiếp và hợp tác học thuật. Kết quả đánh giá thực trạng cho thấy các yếu tố đều được đánh giá ở mức trung bình khá, phản ánh sinh viên đã hình thành nền tảng năng lực nghiên cứu nhưng chiều sâu phương pháp luận, tư duy phản biện và bản lĩnh học thuật còn hạn chế.

Từ khóa: Yếu tố chủ quan, nghiên cứu khoa học, chuyên ngành Võ – Quyền Anh, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Current Status of subjective factors affecting the scientific research effectiveness of students specializing in Martial Arts and Boxing in the Sport Coaching Program at Bac Ninh Sports University

Ly Duc Truong⁽¹⁾; Nguyen Tien Son⁽²⁾

Article Information:

Received: **29/04/2026**

Review date: **08/05/2026**

Published: **12/06/2026**

Corresponding Author:

Ly Duc Truong

Email: lidechang1976@gmail.com

Vol.3, Issue 4 (2026), pp 54-59

DOI:

<https://doi.org/10.64024/upes14042>

Copyright © 2026. This is an Open Access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Abstract:

This study aimed to assess the current status of subjective factors affecting the scientific research effectiveness of students specializing in Martial Arts and Boxing in the Sport Coaching program at Bac Ninh Sports University, using basic research methods commonly applied in sport sciences. The results identified five groups of subjective factors with 22 criteria, including research motivation and attitude; research knowledge and skills; creative and critical thinking capacity; time-management skills; and academic communication and collaboration competence. The assessment results showed that all factors were rated at the moderately good level, indicating that students have developed a foundational research competence, although their methodological depth, critical thinking, and academic confidence remain limited.

Keywords: influencing factors, scientific research, Martial Arts and Boxing specialization, Bac Ninh Sports University.

⁽¹⁾TS ⁽²⁾SV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học theo định hướng phát triển năng lực nghiên cứu và sáng tạo của người học, hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên ngày càng giữ vai trò quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo. Đối với sinh viên ngành Huấn luyện thể thao, đặc biệt là chuyên ngành Võ – Quyền Anh, NCKH không chỉ giúp củng cố kiến thức lý luận mà còn góp phần phát triển tư duy khoa học, khả năng phân tích và vận dụng tri thức vào thực tiễn huấn luyện và thi đấu. Hiệu quả hoạt động NCKH của sinh viên chịu tác động bởi nhiều yếu tố, trong đó các yếu tố chủ quan như động cơ và thái độ nghiên cứu, kiến thức và kỹ năng nghiên cứu, tư duy sáng tạo và phản biện, khả năng quản lý thời gian và năng lực giao tiếp học thuật có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hình thành năng lực nghiên cứu. Tuy nhiên, các yếu tố này ở sinh viên chuyên ngành Võ – Quyền Anh tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh chưa được đánh giá một cách hệ thống. Vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng các yếu tố chủ quan ảnh hưởng tới hiệu quả NCKH của sinh viên là cần thiết.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp quan sát sư phạm, phương pháp phỏng vấn và phương pháp toán học thống kê.

Nghiên cứu được tiến hành trên 32 giảng viên và 18 sinh viên chuyên ngành Võ – Quyền Anh, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (đang tiến hành hoạt động nghiên cứu) và khóa đại học 57 (đã nghiên cứu hoàn thành hoạt động và mới ra trường)

Thời điểm nghiên cứu: Năm học 2024-2025.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Xác định các yếu tố chủ quan ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên chuyên ngành Võ - Quyền Anh, ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Thông qua tham khảo tài liệu, phân tích các công trình nghiên cứu có liên quan, phỏng vấn trực tiếp các chuyên gia và phỏng vấn trên diện rộng bằng phiếu hỏi, quá trình nghiên cứu đã xác định được 5 yếu tố chủ quan với 22 tiêu chí

cụ thể ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động NCKH cho sinh viên chuyên ngành Võ - Quyền Anh, ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh. Cụ thể gồm:

Động cơ và thái độ nghiên cứu: 5 tiêu chí

Kiến thức và kỹ năng nghiên cứu: 5 tiêu chí

Năng lực tư duy sáng tạo và phản biện: 4 tiêu chí

Thời gian và khả năng quản lý công việc: 4 tiêu chí

Sự tự tin và năng lực giao tiếp học thuật: 4 tiêu chí

2. Thực trạng các yếu tố chủ quan ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên chuyên ngành Võ - Quyền Anh, ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Tiến hành đánh giá thực trạng các yếu tố chủ quan ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động NCKH của sinh viên chuyên ngành Võ - Quyền Anh, ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh thông qua phỏng vấn giảng viên và sinh viên bằng phiếu hỏi và so sánh sự khác biệt kết quả trả lời của 2 nhóm. Phỏng vấn được tiến hành thông qua thang đo Likert 5 mức. Kết quả được trình bày tại từ bảng 1 tới bảng 5.

Qua bảng 1 cho thấy: các yếu tố thuộc nhóm động cơ và thái độ nghiên cứu được đánh giá ở mức Trung bình khá (\bar{x} từ 3.11 đến 3.71). Yếu tố “Mức độ hứng thú và đam mê với hoạt động NCKH” có điểm cao nhất ở cả hai nhóm (GV: 3.71; SV: 3.67), cho thấy sinh viên chuyên ngành Võ – Quyền Anh bước đầu có sự quan tâm tích cực đến NCKH.

Tuy nhiên, các tiêu chí “Tính chủ động, tinh thần trách nhiệm” và “Sự kiên trì trước khó khăn” có điểm thấp hơn, phản ánh động cơ nội tại và tính bền vững trong quá trình thực hiện nghiên cứu chưa thật sự mạnh. Trong bối cảnh sinh viên chịu áp lực tập luyện và thi đấu, hạn chế này có thể ảnh hưởng đến chiều sâu đề tài.

Kết quả kiểm định cho thấy $P > 0,05$ ở tất cả các yếu tố, chứng tỏ không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đánh giá của giảng viên và sinh viên, thể hiện sự thống nhất trong nhận định về vai trò của động cơ và thái độ nghiên cứu.

Bảng 1. Thực trạng mức độ ảnh hưởng của động cơ và thái độ nghiên cứu tới hiệu quả nghiên cứu khoa học của sinh viên chuyên ngành Võ - Quyền Anh, ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

TT	Yếu tố	Giáo viên (n=36)		Sinh viên (n=18)		So sánh	
		\bar{x}	δ	\bar{x}	δ	t	P
1	Mức độ hứng thú và đam mê với hoạt động NCKH	3.71	0.37	3.67	0.48	1.08	>0.05
2	Nhận thức về ý nghĩa, vai trò của NCKH đối với học tập và nghề nghiệp	3.31	0.4	3.48	0.49	1.68	>0.05
3	Tính chủ động, tinh thần trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu	3.15	0.38	3.11	0.4	1.34	>0.05
4	Mong muốn đóng góp ý tưởng hoặc giải pháp thực tiễn qua NCKH	3.23	0.49	3.5	0.41	1.59	>0.05
5	Sự kiên trì và thái độ tích cực trước khó khăn trong quá trình nghiên cứu	3.15	0.47	3.53	0.45	1.12	>.05

Bảng 2. Thực trạng mức độ ảnh hưởng của kiến thức và kỹ năng nghiên cứu khoa học tới hiệu quả nghiên cứu khoa học của sinh viên chuyên ngành Võ - Quyền Anh, ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

TT	Yếu tố	Giáo viên (n=36)		Sinh viên (n=18)		So sánh	
		\bar{x}	δ	\bar{x}	δ	t	P
1	Hiểu biết về quy trình, phương pháp NCKH cơ bản	3.19	0.38	3.16	0.41	1.1	>0.05
2	Kỹ năng thu thập, xử lý, và phân tích dữ liệu (định tính, định lượng)	3.35	0.4	3.53	0.5	1.61	>0.05
3	Kỹ năng trích dẫn, viết báo cáo, trình bày kết quả nghiên cứu	3.75	0.37	3.73	0.49	1.14	>0.05
4	Kỹ năng sử dụng công cụ, phần mềm hỗ trợ nghiên cứu (SPSS, Excel, Zotero...)	3.27	0.5	3.55	0.42	1.36	>0.05
5	Kỹ năng tìm kiếm, chọn lọc và tổng hợp tài liệu khoa học	3.19	0.48	3.58	0.46	1.71	>.05

Mức độ ảnh hưởng của kiến thức và kỹ năng NCKH tới hiệu quả NCKH của sinh viên được trình bày tại bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy: các yếu tố thuộc nhóm kiến thức và kỹ năng NCKH được đánh giá ở mức Trung bình khá (\bar{x} từ 3.16 đến 3.75). Yếu tố “Kỹ năng trích dẫn, viết báo cáo, trình bày kết quả nghiên cứu” có điểm cao nhất ở cả hai nhóm (GV: 3.75; SV: 3.73), cho thấy sinh viên

chuyên ngành Võ – Quyền Anh tương đối thành thạo trong hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu.

Ngược lại, “Hiểu biết về quy trình, phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản” có điểm thấp hơn, phản ánh nền tảng phương pháp luận chưa thực sự vững chắc. Điều này cho thấy sinh viên có thể thực hiện tốt khâu trình bày nhưng chiều sâu về thiết kế và logic nghiên cứu còn hạn chế



Nghiên cứu khoa học giúp sinh viên phát triển tư duy phản biện, năng lực giải quyết vấn đề, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, đồng thời rèn luyện tính sáng tạo, chủ động và đạo đức học thuật

– một đặc điểm thường gặp ở sinh viên ngành Huấn luyện thể thao thiên về thực hành.

Kết quả kiểm định cho thấy $P > 0,05$ ở tất cả các tiêu chí, chứng tỏ không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đánh giá của giảng viên và sinh viên.

Kết quả đánh giá thực trạng mức độ ảnh hưởng của năng lực tư duy sáng tạo và phản biện tới hiệu quả nghiên cứu khoa học của sinh viên được trình bày tại bảng 3.

Bảng 3. Thực trạng mức độ ảnh hưởng của năng lực tư duy sáng tạo và phản biện tới hiệu quả nghiên cứu khoa học của sinh viên chuyên ngành Võ - Quyền Anh, ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

TT	Yếu tố	Giáo viên (n=36)		Sinh viên (n=18)		So sánh	
		\bar{x}	δ	\bar{x}	δ	t	P
1	Khả năng phát hiện vấn đề mới, xác định câu hỏi nghiên cứu	3.31	0.51	3.6	0.43	1.38	>0.05
2	Khả năng phân tích, tổng hợp và đưa ra nhận định độc lập	3.23	0.49	3.63	0.47	1.74	>0.05
3	Mức độ linh hoạt, sáng tạo trong đề xuất giải pháp hoặc mô hình nghiên cứu	3.39	0.4	3.58	0.51	1.63	>0.05
4	Khả năng phản biện và đánh giá quan điểm khoa học khác	3.19	0.37	3.1	0.5	1.16	>0.05

Qua bảng 3 cho thấy: Các yếu tố thuộc nhóm năng lực tư duy sáng tạo và phản biện được đánh giá ở mức trung bình khá (\bar{x} từ 3.10 đến 3.63). So với nền tảng phương pháp, nhóm yếu tố này phản ánh chiều sâu học thuật của sinh viên. Sinh viên tự đánh giá cao hơn giảng viên ở các tiêu chí “Khả năng phát hiện vấn đề mới” và “Khả năng phân tích, tổng hợp và đưa ra nhận định độc lập”, cho thấy sự tự tin nhất định trong tư duy nghiên cứu.

Tuy nhiên, “Khả năng phản biện và đánh giá quan điểm khoa học khác” có điểm thấp nhất ở

cả hai nhóm, cho thấy hạn chế về chiều sâu lập luận và bản lĩnh học thuật. Điều này cho thấy mặc dù sinh viên có hứng thú và đã hình thành kỹ năng trình bày sản phẩm khoa học, nhưng tư duy phản biện – yếu tố quyết định chất lượng nghiên cứu – chưa thật sự nổi bật. Kết quả kiểm định cho thấy $P > 0,05$ ở tất cả các tiêu chí, phản ánh sự thống nhất trong đánh giá giữa giảng viên và sinh viên.

Kết quả đánh giá thực trạng mức độ ảnh hưởng của kỹ năng quản lý thời gian và kế hoạch nghiên cứu tới hiệu quả NCKH của sinh viên được trình bày tại bảng 4.

Bảng 4. Thực trạng mức độ ảnh hưởng của kỹ năng quản lý thời gian và kế hoạch nghiên cứu tới hiệu quả nghiên cứu khoa học của sinh viên chuyên ngành Võ - Quyền Anh, ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

TT	Yếu tố	Giáo viên (n=36)		Sinh viên (n=18)		So sánh	
		\bar{x}	δ	\bar{x}	δ	t	P
1	Mức độ chủ động trong lập kế hoạch nghiên cứu (mục tiêu, tiến độ, sản phẩm)	3.35	0.52	3.26	0.44	1.4	>0.05
2	Kỹ năng phân bổ thời gian giữa học tập, nghiên cứu và sinh hoạt cá nhân	3.17	0.5	3.09	0.48	1.77	>0.05
3	Mức độ hoàn thành đúng hạn các nhiệm vụ nghiên cứu	3.43	0.4	3.53	0.52	1.65	>0.05
4	Tính kỷ luật và khả năng tự điều chỉnh khi gặp trở ngại	3.23	0.37	3.15	0.51	1.18	>0.05

Bảng 5. Thực trạng mức độ ảnh hưởng của năng lực giao tiếp và hợp tác học thuật tới hiệu quả nghiên cứu khoa học của sinh viên chuyên ngành Võ - Quyền Anh, ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

TT	Yếu tố	Giáo viên (n=36)		Sinh viên (n=18)		So sánh	
		\bar{x}	δ	\bar{x}	δ	t	P
1	Khả năng trình bày, trao đổi ý tưởng với giảng viên hướng dẫn.	3.47	0.4	3.58	0.53	1.68	>0.05
2	Kỹ năng làm việc nhóm trong quá trình nghiên cứu.	3.21	0.51	3.14	0.49	1.8	>0.05
3	Khả năng tham gia, thảo luận tại các hội nghị, seminar khoa học.	3.39	0.53	3.31	0.45	1.42	>0.05
4	Mức độ tự tin khi báo cáo, bảo vệ kết quả nghiên cứu.	3.07	0.37	3.2	0.52	1.2	>0.05

Qua bảng 4 cho thấy: Các yếu tố thuộc nhóm kỹ năng quản lý thời gian và kế hoạch nghiên cứu được đánh giá ở mức trung bình khá (\bar{x} từ 3.09 đến 3.53). So với các nhóm động cơ, phương pháp và tư duy, nhóm yếu tố này phản ánh năng lực thực thi nghiên cứu trong thực tế. Tiêu chí “Mức độ hoàn thành đúng hạn các nhiệm vụ nghiên cứu” có điểm cao nhất ở cả hai nhóm (GV: 3.43; SV: 3.53), cho thấy sinh viên cơ bản đảm bảo tiến độ đề tài.

Tuy nhiên, “Kỹ năng phân bổ thời gian giữa học tập, nghiên cứu và sinh hoạt cá nhân” có điểm thấp hơn, phản ánh khó khăn trong việc cân đối giữa lịch học, tập luyện và nghiên cứu – đặc thù của ngành Huấn luyện thể thao. Điều này cho thấy dù có hứng thú và bước đầu hình thành năng lực phương pháp, hiệu quả triển khai nghiên cứu vẫn chịu ảnh hưởng bởi áp lực thời gian. Kết quả kiểm định cho thấy $P > 0,05$ ở tất cả các tiêu chí, thể hiện sự thống nhất trong đánh giá giữa giảng viên và sinh viên.

Kết quả đánh giá thực trạng mức độ ảnh hưởng của năng lực giao tiếp và hợp tác học thuật tới hiệu quả NCKH của sinh viên được trình bày tại bảng 5.

Qua bảng 5 cho thấy: các yếu tố thuộc nhóm năng lực giao tiếp và hợp tác học thuật được đánh giá ở mức trung bình khá (\bar{x} từ 3.07 đến 3.58). Nếu bảng 4 phản ánh năng lực thực thi nghiên cứu, thì nhóm yếu tố này thể hiện khả năng lan tỏa và bảo vệ kết quả nghiên cứu. Tiêu chí “Khả năng trình bày, trao đổi ý tưởng với giảng viên hướng dẫn” có điểm cao nhất, cho thấy sinh viên bước đầu chủ động trong trao đổi chuyên môn.

Tuy nhiên, “Mức độ tự tin khi báo cáo, bảo vệ kết quả nghiên cứu” có điểm thấp nhất, phản ánh hạn chế về bản lĩnh học thuật và kỹ năng thuyết trình – yếu tố quyết định chất lượng công bố và ứng dụng nghiên cứu. Điều này cho thấy dù đã hình thành động cơ, phương pháp và kỹ năng thực hiện, khả năng khẳng định giá trị nghiên cứu trước tập thể vẫn chưa thật sự nổi bật. Kết quả kiểm định cho thấy $P > 0,05$, thể hiện sự thống nhất trong đánh giá giữa giảng viên và sinh viên.

KẾT LUẬN

Các yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến hiệu quả NCKH của sinh viên chuyên ngành Võ – Quyền Anh đều ở mức Trung bình khá, phản ánh nền tảng năng lực nghiên cứu đã được hình thành nhưng chưa phát triển sâu. Điểm mạnh tương đối nằm ở sự hứng thú tham gia và kỹ năng hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu. Tuy nhiên, điểm nghẽn nổi bật là nền tảng phương pháp luận, tư duy phản biện và bản lĩnh học thuật khi bảo vệ kết quả còn hạn chế. Chuỗi này cho thấy sinh viên có động cơ và khả năng thực hiện kỹ thuật nghiên cứu, nhưng thiếu chiều sâu phân tích và năng lực lập luận độc lập – yếu tố quyết định chất lượng khoa học thực sự. Trong bối cảnh đào tạo Huấn luyện thể thao thiên về thực hành, việc tăng cường bồi dưỡng phương pháp nghiên cứu và kỹ năng phản biện cần được xem là trọng tâm nâng cao hiệu quả NCKH của sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2012). *Thông tư số 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01/6/2012 quy định về nội dung hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17/9/2021 quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học*.
3. Vũ Cao Đàm. (1995). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục, Hà Nội.
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
5. Chính phủ. (2013). *Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 ban hành Quy hoạch phát triển Thể dục, Thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*.